

TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM

TIỂU SỬ

Xuân Diệu họ Ngô, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 (năm Bính Thìn) tại Vạn Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (cũ). Cha Ngô Xuân Thọ, quê ở xã Trảo Nha (nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (cũ), đỗ tú tài kép Hán học, vào làm thầy dạy học ở Bình Định, kết duyên với bà Nguyễn Thị Hiệp.

Thuở nhỏ Xuân Diệu học chữ nho, quốc ngữ và cả tiếng Pháp với cha; năm 1927 xuống học ở Qui Nhơn, đỗ “đíp lôm” (bằng Thành chung) năm 1934. Thời kỳ này Xuân Diệu đã tập làm những bài thơ theo các thể thơ truyền thống và rất mến phục Tản Đà.

1935-1936 Xuân Diệu ra học “tú tài” phần thứ nhất ở trường Trung học bảo hộ Hà Nội; 1936 - 1937, anh vào học “tú tài” phần thứ hai ở trường Trung học Khải Định, Huế. Tại đây, anh gặp Huy Cận, học sau hai lớp, và hai bạn thơ đã kết nghĩa với nhau, một tình bạn cho đến nay (1982) đã bền bỉ 45 năm.

Ngày Nôen (lễ Thiên Chúa giáng sinh) 1938, *Thơ thơ* ra đời với tựa của Thế Lữ và trình bày mỹ thuật của Lương Xuân Nhị.

1938 - 1940; Xuân Diệu cùng với Huy Cận ở gác 40 Hàng Than (thơ Huy Cận: *Phố không cây thối sâu biết bao chừng...*), Xuân Diệu dạy học ở trường tư thực Thăng Long (Giám đốc: Hoàng Minh Giám), và Huy Cận học ở trường Cao đẳng Nông lâm. Năm 1939, Xuân Diệu tập hợp các truyện ngắn của mình đã đăng trên báo *Ngày nay* và cho xuất bản tập *Phấn thông vàng*.

Đầu 1940, anh thi tham tá Thương chính và vào Nam Bộ nhận việc ở “Sở Đoan” Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Nhờ vậy, nhà thơ được sống ngọt 4 năm ở đất Nam kỳ và có vốn địa lý, vốn nhân tình để sau này viết “*Miền Nam nước Việt và người Việt miền Nam*” và nhiều bài thơ đấu tranh thống nhất.

Năm 1943, Huy Cận tốt nghiệp kỹ sư Canh nông. Xuân Diệu xin thôi tham tá nhà Đoan, về sống với Huy Cận tại Hà Nội, bằng số tiền lương của Huy Cận. Đôi bạn Huy - Xuân đã có lúc (1939), bằng tiền dành dụm của mình, tự đứng ra xuất bản tập *Thơ thơ* (in lần thứ hai) với tên “Nhà xuất bản Huy - Xuân”. Xuân Diệu cùng với Huy Cận tham gia Mặt trận Việt Minh hồi bí mật.

Năm 1945, Xuân Diệu cho ra đời tập thơ văn xuôi *Trường ca* và tập thơ *Gửi hương cho gió* (Nhà xuất bản Thời đại). Tháng 2-1945 Xuân Diệu làm cuộc diễn thuyết đầu tiên trong đời mình với bài “*Sinh viên với quốc văn*” do Tổng hội sinh viên Việt Nam tổ chức; bài này sau đó được xuất bản với tên mở rộng “*Thanh niên với quốc văn*”.

Cách mạng tháng Tám 1945 bùng nổ, những đảng phái phản động, nấp sau quân chiếm đóng Tưởng Giới

Thạch, không công nhận lá cờ đỏ sao vàng là Quốc kỳ, trương lên lá cờ ba gạch, cờ sao trắng của chúng để chia rẽ nhân dân, tổ chức những vụ bắt cóc cán bộ cách mạng, mưu đồ biểu tình chống Chính phủ cách mạng lâm thời... Xuân Diệu đã cho đăng những bài thơ *Một cuộc “biểu tình”, Tổng bắt đình công, Vịnh cái cờ...* và đã cho xuất bản anh hùng ca *Ngọn quốc kỳ* ca ngợi lá cờ đỏ sao vàng; và để cổ động Tổng tuyển cử đầu tiên 6-1-1946, đã cho xuất bản tráng khúc *Hội nghị non sông*. Bản thân Xuân Diệu cũng là Đại biểu Quốc hội khóa I (đại biểu tỉnh Hải Dương) từ 1946 đến 1960. Tháng 5-1946, một phái đoàn Quốc hội Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, sang Pháp; Xuân Diệu tham dự với tư cách đại biểu các nhà báo. Sau chuyến đi này, Xuân Diệu đã đăng trên báo *Cứu quốc* thiên phóng sự *Từ trường bay đến trường bay* và cho xuất bản tập *Việt Nam nghìn dặm*, viết về đời sống và cuộc đấu tranh của Việt kiều, lính chiến và lính thợ tại Pháp từ 1940 đến 1946.

Kháng chiến toàn quốc, Xuân Diệu ở suốt chín năm trong các chiến khu tại Việt Bắc; anh đã đi theo Đài Tiếng nói Việt Nam năm 1947 và phụ trách mỗi tuần nói một “*câu chuyện văn hóa*” ở Đài; các tùy bút này về sau xuất bản thành tập “*Việt Nam trở dạ*” Anh là Ủy viên chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam kháng chiến; anh đã đăng trên tạp chí Văn nghệ một loạt bài *Tiếng thơ*, giới thiệu và cổ vũ phong trào thơ của công nông binh.

Năm 1949, Xuân Diệu được kết nạp vào Đảng do hai nhà văn Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Huy Tưởng giới thiệu. Trong Giảm tô và Cải cách ruộng đất, anh

là đội viên các “đội phát động” ở Thanh Hóa và Nghệ An, và đã cho xuất bản tập thơ *Mẹ con* về đề tài nông dân và ruộng đất. Cũng từ năm 1949 anh bắt đầu đi nói chuyện thơ trong quần chúng, công chúng; cho đến nay (1982) anh đã trải qua khoảng 400 cuộc bình thơ. Tháng 9 và 10-1981, anh được mời sang nói về thơ Việt Nam tại Pháp.

Sau Hội nghị Giơnevơ 1954, từ chiến khu trở về Hà Nội, Xuân Diệu lại vào cuộc chiến đấu mới; một phần quan trọng trong các tập thơ anh là đề tài đấu tranh thống nhất, chống Mỹ - ngụy, và chuyên đề này chiếm toàn bộ tập *Mũi Cà Mau* (1962). Khi nhóm Nhân văn - Giai phẩm đi theo đường lối chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội trong văn nghệ, Xuân Diệu đã viết một loạt bài tiểu luận ủng hộ chiến, in thành tập *Những bước đường tư tưởng của tôi* (1958).

Năm 1958, anh là diễn giả trong lễ kỷ niệm 138 năm ngày mất của Nguyễn Du, và đây cũng là thời điểm của một loạt công trình nghiên cứu của Xuân Diệu về các nhà thơ lớn truyền thống của dân tộc.

Xuân Diệu đã viết khoảng 450 bài thơ tình, 30 bài đã được in trong tập *Cầm tay* (1962), một số in xen kẽ trong các tập thơ khác và một số lớn còn chưa in.

Cùng với 15 tập thơ, Xuân Diệu còn là một nhà văn với tập truyện ngắn *Phấn thông vàng*, tập thơ văn xuôi *Trường ca*, những bút ký, những tùy bút viết dọc theo năm tháng của đời sống đất nước và nhân dân, đồng thời là một nhà viết nhiều tiểu luận và phê bình văn học, đặc biệt là về các nhà thơ cổ điển lớn Việt Nam.

*

* *

Xuân Diệu đã nhiều lần thăm Liên Xô; anh đã dịch trường ca *Vladimira Ilich Lenin* của Maiakốpski, thơ Putxkin, Êxênhin, Ximônốp, Antônôpxki, Lôkunhin, Đônmatốpski Eptusenkô, Matuxốpki... Anh đã giới thiệu và dịch thơ *Ba nhà thơ lớn Hungari: S.Pêtôphi, A.Giôdép, A.Ăđi*, viết bài giới thiệu và dịch thơ *Những nhà thơ Bungari* (1978, in lại: 1983), thơ Elidavêta Bagriana, thơ Blaga Đimitrôva (*Vây giữa tình yêu*), đã dịch *Những người thợ dệt Xilêdi, Lôrôlây* và chùm thơ *Intecmetdô trử tình* của Henrich Hainơ. Anh cũng đã giới thiệu và dịch tập thơ Nicôla Ghiden, nhà thơ dân tộc Cu Ba, dự lễ mừng thọ N. Ghiden 80 tuổi ở La Habana.

Xuân Diệu đã dự Hội nghị trù bị các nhà văn Á Châu ở Niu Đê Li (1958) và thăm Ấn Độ hai tháng, giới thiệu và dịch thơ *Rabindranat Tago* (1961). Năm 1980, anh dự và phát biểu trong Hội nghị các nhà văn thế giới bảo vệ hòa bình lần thứ II ở Xôphía.

Năm 1981, Xuân Diệu sang Pháp, nói chuyện thơ Việt Nam ở các trường Đại học tại Paris.

Xuân Diệu được bầu làm Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật CHDC Đức năm 1983. Cũng trong năm này, Tuyển tập Xuân Diệu (tập 1) được xuất bản.

Năm 1985, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất.

Ngày 18-12-1985, Xuân Diệu từ trần tại Hà Nội.

TÁC PHẨM

THƠ:

Thơ thơ (1938, 1939, 1968, 1970), Gửi hương cho gió (1945, 1967), Ngọn quốc kỳ (1945, 1961), Hội nghị

non sông (1946), Dưới sao vàng (1949), Sáng (1953), Mẹ con (1954), Ngôi sao (1955) Riêng chung (1960), Mũi Cà Mau - Cầm tay (1962), Một khối hồng (1964), Hai đợt sóng (1967), Tôi giàu đôi mắt (1970), Hồn tôi đôi cánh (1976), Thanh ca (1982).

TRUYỆN NGẮN:

Phấn thông vàng (1939)

BÚT KÝ:

Trường ca (1945), Miền Nam nước Việt (1945, 1946, 1947), Việt Nam nghìn dặm (1946), Việt Nam trở dạ (1948), Ký sự thăm nước Hung (1956), Triều lên (1958).

TIỂU LUẬN, PHÊ BÌNH:

Thanh niên với quốc văn (1945), Tiếng thơ (1951, 1954), Những bước đường tư tưởng của tôi (1958), Ba thi hào dân tộc (1959), Phê bình giới thiệu thơ (1960), Hồ Xuân Hương bà chúa thơ nôm (1961), Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ (1961), Dao có mài mới sắc (1963), Thi hào dân tộc Nguyễn Du (1966), Đi trên đường lớn (1968), Thơ Trần Tế Xương (1970), Đọc thơ Nguyễn Khuyến (1971), Và cây đời mãi mãi xanh tươi (1971), Mài sắt nên kim (1977), Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy (1978), Các nhà thơ cổ điển Việt Nam (tập I, 1981, tập II, 1982), Tìm hiểu Tản Đà (1982).

DỊCH THƠ:

Thi hào Nadim Hitmet (1962), V.I. Lênin (Maiakốpski, 1967), Vây giữa tình yêu (B. Dimitrôva, 1968), Việt Nam hồn tôi (1974), Những nhà thơ Bungari (1978 - 1983), Nhà thơ Nicôla Ghiden (1981).

XUÂN DIỆU
NIÊN BIỂU - THƯ MỤC

- 1916: Sinh ngày 2 tháng 2 (29 tháng giêng Bính Thìn) tại quê mẹ (bà Nguyễn Thị Hiệp) ở Vạn Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
Thở nhỏ học chữ Hán và quốc ngữ với cha là Ngô Xuân Thọ, đỗ Tú tài kép Hán học, vốn quê xã Trảo Nha (nay là Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, vào dạy học ở Bình Định.
- 1927: Học trường Cao đẳng tiểu học Quy Nhơn, được cấp học bổng và nội trú tại trường.
- 1934: Đỗ Thành chung tại trường Quy Nhơn.
- 1935-1936: Học Tú tài phần thứ nhất tại trường Trung học bảo hộ ở Hà Nội.
In bài thơ đầu tiên “Vội bàn tay ấy” trên báo *Phong hóa*.
- 1936-1937: Học Tú tài phần thứ hai tại trường Trung học Khải Định - Huế.
Kết nghĩa với Huy Cận (1936) cho đến cuối đời.

Báo *Ngày nay*, số Tết 1937 in bài giới thiệu: “Một nhà thi sĩ mới: Xuân Diệu” do Thế Lữ viết.

Ra Hà Nội học trường Luật và bắt đầu viết báo (*Ngày nay...*)

1938-1939: Sống với Huy Cận ở gác nhà 40 Hàng Than - Hà Nội, dạy học ở Trường tư thực Thăng Long.

Tháng 12 - 1938, Nhà xuất bản *Đời nay* in tập thơ “Thơ thơ”

Năm 1939, Nhà xuất bản *Huy Xuân* tái bản tập “Thơ thơ”, Nhà xuất bản *Đời nay* in tập truyện ngắn “Phấn thông vàng”.

1940-1943: Đỗ tham tá thương chính, được bổ nhiệm vào Sở Đoan Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang).

1943-1944: Sống với Huy Cận ở Hà Nội và tham gia Việt Minh bí mật.

1945: Nhà xuất bản *Thời đại* in tập thơ - văn xuôi “Trường ca”, tập thơ “Gửi hương cho gió”, tập tiểu luận “Thanh niên với quốc văn”.

- Tham gia Tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền tại Hà Nội.

- Hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc.

- Xuất bản tráng ca “Ngọn quốc kỳ”, tập bút ký “Miền Nam nước Việt”.

1946: - Xuất bản tráng ca “Hội nghị non sông”, tập bút ký “Việt Nam nghìn dặm”.

- Được bầu vào Quốc hội khóa I (1946 - 1960)

- Tháng 5-1946, với tư cách nhà báo, đi cùng phái đoàn Chính phủ sang Paris đàm phán với chính phủ Pháp.
- 1947: Công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam.
- 1948: Được bầu làm Ủy viên chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam - xuất bản tập bút ký “Việt Nam trở dạ”.
- 1949: Được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.
Xuất bản tập thơ “Dưới sao vàng”.
- 1951-1953: Xuất bản tập tiểu luận “Tiếng thơ”.- Tham gia phát động quần chúng giảm tô, giảm tức. Xuất bản tập thơ “Sáng”.
- 1954: Tham gia cải cách ruộng đất - Xuất bản tập thơ “Mẹ con”.
- 1955: Xuất bản tập thơ “Ngôi sao”, (được giải thưởng Văn nghệ 1954 - 1955).
- 1956: Xuất bản tập “Ký sự thăm nước Hung”.
- 1957-1985: Được bầu làm Ủy viên chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, khóa I, II, III.
- 1958: Xuất bản tập tiểu luận: “Những bước đường tư tưởng của tôi”, tập bút ký “Triều lên”.
- 1959: Xuất bản tập tiểu luận “Ba thi hào dân tộc”
- 1960: Xuất bản tập thơ “Riêng chung”, tiểu luận “Phê bình, giới thiệu thơ”.
- 1961: Xuất bản tập tiểu luận “Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ”, tập khảo luận “Hồ Xuân Hương, bà chúa thơ nôm”.

-
- 1962: Xuất bản tập thơ “Mũi Cà Mau - Cầm tay”, tập thơ dịch “Thi hào Nadim Hítmét”, tập tiểu luận “Dao có mài mới sắc”.
- 1964: Xuất bản tập thơ: “Một khối hồng”.
- 1966: Xuất bản tập khảo luận “Thi hào dân tộc Nguyễn Du”.
- 1967: Xuất bản tập thơ “Hai đợt sóng”, tập thơ dịch “V.I. Lênin” của Maiakốpski
- 1968: Xuất bản tập tiểu luận “Đi trên đường lớn”, tập thơ dịch “Vây giữa tình yêu” của Blaga Đimitrôva.
- 1970: Xuất bản tập thơ “Tôi giàu đôi mắt”, tập khảo luận “Thơ Trần Tế Xương”.
- 1971: Xuất bản tập tiểu luận “Độc thơ Nguyễn Khuyến”, tập tiểu luận “Và cây đời mãi mãi xanh tươi”.
- 1974: Xuất bản tập thơ dịch “Việt Nam hồn tôi”.
- 1976: Xuất bản tập thơ “Hồn tôi đôi cánh”.
- 1977: Xuất bản tập tiểu luận “Mài sắt nên kim”.
- 1978-1980: Xuất bản tập tiểu luận “Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy”, tập thơ dịch “Những nhà thơ Bungari”.
- 1981: Xuất bản tập I “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”. Cộng hòa Pháp mời sang nói chuyện về Thơ Việt Nam.
- 1982: Xuất bản tập thơ “Thanh ca”, tập II “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”, tập khảo luận “Tìm hiểu Tản Đà”, tập thơ dịch “Nicôla Ghiden”.

-
- 1983: Được bầu làm Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật CHDC Đức - Xuất bản tập I “Tuyển tập Xuân Diệu”.
- 1985: Xuất bản tập II “Tuyển tập Xuân Diệu”. Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất.
Tờ trình ngày 18 tháng 12 năm 1985.
- 1987: Ngày 27-3-1987, Hội đồng Chính phủ ra quyết định bảo tồn nơi Xuân Diệu từng ở để xây dựng Phòng lưu niệm.
- 1988-1995: Xuất bản các tập “Thơ tình Xuân Diệu”, “Một chùm thơ” (tự chép).
Hội Nhà văn, Viện Văn học, Trường viết văn Nguyễn Du cùng các cơ quan xuất bản, báo chí tổ chức kỷ niệm 5 năm, 10 năm ngày mất.
- 1996: Được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I).
- 2000: Toàn tập Xuân Diệu được xuất bản.

NHÀ THƠ LỚN XUÂN DIỆU

NGUYỄN BAO

Đến tháng 12 năm 2000 này là tròn mười lăm năm vãng bóng nhà thơ Xuân Diệu trong cuộc sống.

Khoảng trống trong rừng mà gốc đại thụ ấy để lại hình như chưa kịp phủ kín. Ở khoảnh đất ấy lứa cây non chậm lớn vì khả năng quang hợp còn hạn chế và nhánh rễ chưa tỏa rộng, bám sâu vào tầng đất màu mỡ của cội nguồn.

Trong các cuộc hội thảo về thơ hiện đại, về truyền thống văn học, không ít người chỉ ra sự cấp thiết của việc phê bình, nghiên cứu thơ ca. Khi nhắc tới vai trò chuyên sâu của một cây bút miệt mài chăm lo cho sự phát triển của nền thơ, người ta không bao giờ quên nhắc tới Xuân Diệu. Đặc biệt trong những năm gần đây, khi thơ ca được xuất bản với số lượng đầu sách khá nhiều nhưng chất lượng lại có phần còn thấp, khi một số cây bút cố “đánh bóng” câu chữ, đưa ra những hình thức xa lạ, khó hiểu để che giấu sự nghèo nàn vốn sống và cảm xúc khiến người đọc rộng rãi chán nản và thờ ơ với thơ... thì sự có mặt kịp thời của một cây bút vừa đủ bản lĩnh và năng lực vừa sẵn sóc chu đáo, tận tình cho thế hệ nối tiếp mình lại càng cấp bách hơn bao giờ hết. Và người ta lại nhớ tới sự xuất

hiện rực rỡ và đầy sức cuốn hút của một nhà thơ trẻ từ hơn sáu mươi năm trước, nhớ tới một nhà thơ mà trang viết cuối cùng trước khi đi xa là lời dặn dò ân cần về chuyện nghề nghiệp với những cây bút trẻ.

Đó là Xuân Diệu chứ không phải ai khác. Đó là tác giả của “Thơ thơ”, tác phẩm đầu tay đặc sắc. Đó là tác giả của “Sự uyên bác với việc làm thơ”, bài viết cuối cùng đầy tâm huyết gửi Hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ III mà ông không kịp đọc.

Giữa hai cột mốc ấy là 50 năm lao động cật lực với một năng suất và hiệu quả hiếm có: gần năm mươi đầu sách với nhiều thể loại: thơ, truyện ngắn, bút ký, tiểu luận, nghiên cứu, dịch thuật...

Trong nền văn học hiện đại của chúng ta, Xuân Diệu là một trong những cây bút xuất sắc, có tác động sâu rộng, lâu dài trong tiến trình phát triển của văn học từ hơn nửa thế kỷ nay.

*

* *

Chỉ trong một thập kỷ, phong trào Thơ mới đã xác định vị trí của mình và đủ sức tạo nên một “thời đại trong thi ca” (Hoài Thanh). Trong phong trào ấy, sự đóng góp của Xuân Diệu có vai trò quan trọng. Sự xuất hiện của tác phẩm “Thơ thơ” vào cuối năm 1938 đã góp phần khẳng định thắng lợi của phong trào Thơ Mới và tác giả của nó được công chúng yêu thơ nồng nhiệt chào đón. Xuân Diệu trở thành một gương mặt tiêu biểu của Thơ mới, người đem sức sống mới thông qua bước cách tân mạnh mẽ nhất trong thơ. Lần đầu tiên, những tình cảm nồng cháy, tha thiết đến rạo rực của cả một thế hệ tuổi trẻ khát khao một

cuộc sống mới, muốn vượt ra khỏi sự tù đọng, lụi tàn của xã hội cũ... để sống, để yêu, để khẳng định bản ngã.

Sức sống dào dạt và nguồn cảm xúc tinh tế, mới mẻ đã tìm được một hình thức thể hiện tân kỳ và mạnh mẽ, không chút gò bó, sáo mòn.

Sự cách tân của các nhà thơ mới, đặc biệt là của Xuân Diệu xuất phát từ nội dung, từ cách nhìn và phương thức cảm thụ đời sống và cũng từ đòi hỏi của công chúng, nhất là lớp người trẻ tuổi đang chán ngấy thứ văn chương biền ngẫu, mất hết sinh khí và gò bó trong khuôn mẫu và niêm luật xơ cứng, khô't khe.

Ngay từ thuở thiếu thời, Xuân Diệu đã am hiểu và thu hút được tinh hoa của thơ ca truyền thống dân tộc và cổ điển Trung Quốc. Bước vào tuổi thanh niên, người trí thức trẻ giàu xúc cảm ấy lại được tiếp cận với vẻ đẹp mới của phương Tây, đặc biệt là của văn học Pháp nửa cuối thế kỷ 19.

Một hạt giống căng đầy sức sống đã được gieo trên mảnh đất thích hợp trong một điều kiện khí hậu thuận lợi đã nảy mầm mạnh mẽ, vươn nhanh dưới ánh sáng mới - Cái cây đầy sức thanh xuân ấy buổi đầu có thể gây nhiều ngạc nhiên, ngỡ ngàng vì dáng vẻ và màu sắc khác lạ. Một số người không muốn thừa nhận sự tồn tại của nó, cho đó là "lai căng", "kệch cỡm"! Như một tất yếu, cái cây ấy đã tự khẳng định quyền sống và tỏa bóng xa rộng.

Đó là hình ảnh của Thơ mới trong những năm đầu thập kỷ 30.

Và Xuân Diệu, không chỉ bằng những bài thơ mới mẻ và đặc sắc của mình mà còn đủ lý lẽ để bảo vệ Cái mới và bản sắc dân tộc: ..."Dù có Âu hóa mấy đi

nữa, cái đặc biệt của nòi giống vẫn còn ở trong máu, trong từng thớ thịt, từng miếng da. Văn chương Việt Nam cũng vậy. Cái ngô nghê phải mất, cái lố lăng phải mất, sự nô lệ trong văn chương không thể nào tạo nên được những tác phẩm lâu bền. Phải, văn mỗi nước có một tinh thần, khó diễn tả ra cho rõ được, ta phải có một thứ cảm xúc riêng để cảm nghe cái tinh thần ấy. Đời nào văn Việt Nam lại dung túng những lối văn sống sượng, một lối văn nô lệ cho văn Tàu hay văn Tây! Trong văn chương cũng có một luật đào thải tự nhiên; những cái phản với tinh thần quốc văn tất phải tiêu diệt... những cỏ dại không hợp thủy thổ sẽ chết ngay từ khi gieo giống..."

(Ngày nay, số 146, ngày 28-1-1939)

Ngay từ khi mới xuất hiện, thơ Xuân Diệu đã tạo được ấn tượng đặc biệt và nhanh chóng được xếp vào vị trí hàng đầu trên thi đàn - Công chúng yêu thơ coi đó là tiếng nói của chính họ và Xuân Diệu là gương mặt tiêu biểu cho sự cách tân mạnh mẽ nhất, là "hoàng tử" của thi ca hiện đại.

Khi những bài thơ đầu tiên mới in rải rác trên báo chí, con mắt xanh của nhà thơ đàn anh, người mở lối cho Thơ mới: Thế Lữ, đã sớm nhận ra tài năng và phong cách Xuân Diệu:

"Thơ của ông không phải là "văn chương" nữa, đó là lời nói, là tiếng reo vui hay năn nỉ, là sự chân thành cảm xúc, hoặc là những tình ý rạo rực biến lẩn trong những thanh âm... Xuân Diệu, nhà thi sĩ của tuổi xuân, của lòng yêu và của ánh sáng".

Thành công của Xuân Diệu từ những bước đi ban đầu cũng có nghĩa là sự chín sớm của một năng khiếu, một tài năng. Điều đó chỉ có thể giải thích

bằng chính sức cảm thụ vừa sâu sắc vừa đa dạng mọi vẻ đẹp của đời sống và khả năng thể hiện tinh tế, chính xác mọi rung động dù mơ hồ nhất trong trái tim hết sức nhân ái, chan chứa tình đời, tình người.

Trong lĩnh vực sáng tạo văn học, nghệ thuật, có một quy luật cơ bản: Xuất phát từ một trái tim có thể đi tới nhiều trái tim.

Trường hợp Xuân Diệu, thêm một lần mình chứng cho quy luật đó.

Niềm khát sống, sống trọn vẹn, đầy đủ mọi cung bậc, sắc thái và rung cảm tận cùng với cuộc sống và tình yêu bằng mọi giác quan... là điều cốt lõi để nhà thơ xứng đáng là kỹ sư tâm hồn, là người phát ngôn trung thực nhất của mọi tấm lòng đồng điệu.

Một cách nhìn mới và sâu hơn về đời sống, về cõi tâm linh lại được diễn tả bằng những hình tượng và ngôn ngữ tươi mới, vừa mạnh mẽ vừa tinh tế là ngọn nguồn thành công của Xuân Diệu thơ ấu.

Như một dây đàn thẳng căng không bao giờ chùng xuống, như một chiếc lá tơ non đầu cành... tâm hồn thơ ấy sẵn sàng rung động và cảm nhận để tự mình hồn nhiên và trung thực ngân lên mọi cung bậc tình cảm. Xuân Diệu đã đủ sức ghi lại tất cả nguồn xúc cảm đa dạng ấy và dẫn truyền tới cả một thế hệ bạn đọc đương thời.

Hơn sáu mươi năm trước, lần đầu tiên thơ ca Việt Nam có những câu thơ vừa mới mẻ, vừa thuần thực, tiếp thu được tinh hoa của tâm hồn và ngôn ngữ dân tộc lại có một dáng vẻ hiện đại, tươi trẻ và duyên dáng.

Xin cùng đọc lại một khổ thơ đẹp của bài *Thơ duyên*:

*“Mây biếc về đâu bay gấp gấp
 Con cò trên ruộng cánh phân vân
 Chim nghe trời rộng giang thêm cánh
 Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần”*

Một cách cảm nhận, một phác thảo chưa từng xuất hiện trước đây về mùa thu trên đồng quê nước Việt. Chút băng khuâng thanh dịu, một vẻ đẹp đượm buồn kín đáo thấm nhẹ nhàng vào lòng người. Tâm hồn người đọc như được lay động pha chút vô về, thanh lọc - Điều kỳ diệu đằng sau câu chữ ấy phải chăng là cái hồn, cái thần thái Việt Nam mà chính Xuân Diệu cho là *“khó diễn tả ra cho rõ”* và *“phải có một thứ cảm xúc riêng để cảm nghe”*.

Cảnh vật mùa thu ấy thì đã có từ ngàn đời nhưng cách cảm nhận thì hoàn toàn mới: cái phân vân của cánh cò, đôi cánh chim giang rộng thêm dưới ánh chiều và cánh hoa lạnh hơi sương là những chi tiết cốt diễn đạt hiện thực tâm trạng cũng chính là chân dung tinh thần của đời sống đương thời.

Thực ra cái cảnh thu bên ngoài ấy đã được “cảm” hơn là “thấy”, cũng như

“Những luồng run rẩy rung rinh lá”

và

“Cành biếc run run chân ý nhi”

đều là những “giao cảm bên trong”, dĩ nhiên thông qua sự quan sát; lắng nghe tinh tế cái bên ngoài. Chính Xuân Diệu cũng đã có lần xác nhận: “Không phải là sự mô phỏng hiện tượng thiên nhiên mà là giao cảm tinh vi. Câu chữ mang hơi thơ hiện đại”⁽¹⁾

(1) Xuân Diệu nói về “Đây mùa thu tới” (Hà Minh Đức)

Điều mà tác giả gọi là “hơi thơ hiện đại” ấy chính là sự phản ánh tâm trạng cá thể nhưng lại tiêu biểu cho cả một lớp người trước biến động của xã hội.

Tâm trạng ấy biểu lộ cụ thể hơn ở “Lời kỹ nữ”:

“Chớ để riêng em phải gập lòng em” dưới một khoảng *“Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da”* và da diết hơn ở *“Nguyệt cầm”*:

“Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề” trong một đêm trăng lạnh:

*“Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tâm Dương nhạc nhớ người...”*

Nỗi cô đơn là tâm trạng có thực của cả một lớp người trước ngã ba đường đời, trước những đám mây đen đang ùn ùn kéo tới từ cuối chân trời - Từ “con nai vàng ngơ ngác” của tác giả “Tiếng thu” người ta lại gặp một... “con nai bị chiều đánh lưới, không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối” (Xuân Diệu). Hình tượng sau gây một ấn tượng mạnh và sâu, nếu nhìn từ phía ý nghĩa xã hội thì nó hàm chứa đầy đủ hơn về hiện thực tâm trạng.

Từ tập thơ đầu tay, Xuân Diệu đã cho thấy một cá tính sáng tạo rất riêng biệt. Có thể xem ông là nhà thơ trẻ đầu tiên diễn đạt hiệu quả nhất cái rạo rức, thiết tha, nồng cháy của tình yêu con người và thiên nhiên.

Cũng chính Xuân Diệu, khi đã “chín” hơn, cũng bộc lộ sâu sắc hơn những tình cảm ấy - Dường như sự lả'ng động của tâm hồn, sự trải nghiệm đường đời đã tăng thêm cái da diết, đắm thả'm pha chút ngậm ngùi, chua xót! Những cung bậc và sắc thái tình cảm

ấy được đồng đảo công chúng yêu thơ chia sẻ và nồng nhiệt đón nhận - Xuân Diệu đã nói hộ lòng họ một cách mạnh mẽ, tinh tế dưới một dáng vẻ tự nhiên, chân tình nhất.

Người đọc dường như cảm thấy nhà thơ chạy theo cảm xúc, ghi vội những rung động thoáng hiện, nấpm bất kịp thời phút loé sáng bằng những câu chữ xuất thần và diễn tả đúng cảm xúc, một dạng cảm xúc mang đậm dấu ấn Xuân Diệu. Cảm xúc là động lực duy nhất - đây cũng chính là chỗ mạnh của nhà thơ - để tứ thơ lan tỏa, để câu chữ vọt trào như mạch suối đổ ào, tuôn chảy.

Sống hết mình, mở rộng mọi giác quan để thu nhận, đón bắt và tận hưởng. Chính Xuân Diệu chủ trương:

Sống toàn thân và thức nhọn giác quan

Và thức cả trong giấc nồng phải ngủ.

(Thanh niên)

Chiếc cần ăng-ten ấy đảo khắp bốn phương, thường trực suốt đêm ngày để dò bắt mọi làn sóng - dù mơ hồ nhất - của cõi tâm linh, của hồn người.

“Thức nhọn giác quan” là căng ra mà sống, là không thư giãn, lơ là, là thức tỉnh ngay trong giấc say. Huy động mọi giác quan để cảm nhận nên chỉ có riêng ông mới hữu hình hóa được cái vô hình một cách hợp lý và đầy sức thuyết phục. - Chỉ xuất phát từ cảm xúc mới làm được cái việc “phi lý” ấy. Vai trò của thị giác để chiêm ngưỡng vẻ đẹp đã bị thay thế bằng vị giác: “Tháng giêng *ngon* như một cặp môi gần”

Và cũng chỉ từ cảm xúc cuồng nhiệt, mạch thơ mới phóng ra được luồng điện cao - thể:

“Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi”!

(Vội vàng)

Cảm xúc ấy có từ một trái tim “quá cỡ”, nói cách khác, đó là:

Nghìn trái tim mang trong một trái tim

(Cảm xúc)

nên sự mê đắm, cuồng nhiệt là biểu hiện tất yếu. Và đó là cội nguồn của tài năng nhà thơ, là chất thi sĩ bộc lộ trong từng hình tượng, câu chữ, âm điệu.

Đã giàu cảm xúc lại biết cách đi đến tận cùng của mọi cung bậc tình cảm và tìm được hình thức diễn đạt tự nhiên, mới mẻ mọi nguồn rung cảm... nên Xuân Diệu là một trong vài ba nhà thơ của phong trào Thơ mới đạt hiệu quả nghệ thuật sâu rộng và bền lâu nhất.

Nhà thơ làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của công chúng yêu thơ mình bằng cả vẻ đẹp tinh khôi của ngôn ngữ, tạo được ấn tượng bất ngờ đầy sức quyến rũ, mê đắm - Bằng thể mạnh của vần, điệu, âm thanh của tiếng Việt, bằng các biện pháp đảo ngữ, luyện láy và nhất là sáng tạo cho mỗi con chữ một nội dung mới, một tính năng mới trong một trật tự khác hẳn thông lệ... nhà thơ đã kết hợp hài hòa nội dung và hình thức và đủ sức truyền cảm tới người đọc.

Đọc câu thơ:

Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió

Xanh biếc trời cao, bạc đất bằng

(Buồn trắng)

ta như choáng ngợp trước thiên nhiên kỳ ảo, diễm lệ.
 Một vẻ đẹp lộng lẫy chưa từng có được xuất hiện bằng
 những con chữ vốn quen thuộc, giản dị nhưng thật
 lấp lánh, tân kỳ khi được sắp xếp trong một trật tự
 mới lạ, bất ngờ.

Hồn thơ tiềm ẩn trong cảm xúc, ngôn ngữ chắp
 cánh cho hình tượng, tất cả tạo nên sự hòa quyện đầy
 ám ảnh, khơi gợi nguồn rung cảm thắm sâu.

Để đạt được hiệu quả ấy, Xuân Diệu rất có ý thức
 đi sâu vào vốn cổ của cha ông và tìm học tinh hoa văn
 học phương Tây, đặc biệt là các nhà thơ lãng mạn và
 tượng trưng.

Lứa bạn đọc trẻ tuổi hơn sáu mươi năm trước đã
 ngạc nhiên thú vị khi được nghe một cách nói mới:

“Yêu là chết ở trong lòng một ít”

(Yêu)

“Cái bay không đợi cái trôi
 Từ tôi phút trước sang tôi phút này”

(Đi thuyền)

“Vài miếng đêm u uất lẫn trong canh”

(Tương tư chiều)

“Kẻ uống tình yêu dập cả môi”

(Hư vô)

“Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
 Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì...”

(Đây mùa thu tới)

Ở thập kỷ 30, chắc hẳn có người cho đó là những
 câu thơ “lai Tây”. Ngay cả Thế Lữ khi cho đăng lần

đầu bài “Đây mùa thu tới” trên báo “*Ngày nay*” cũng đã sửa lại một câu nhưng Xuân Diệu khi cho in vào sách vẫn giữ lại nguyên bản:

“Hơn một loài hoa đã rụng cành”

Trước lạ, sau quen... Xuân Diệu đã đi trước một bước và thời gian đã ủng hộ nhà thơ. Sau này, Xuân Diệu kể lại:

“Tháng 10 năm 1981, khi nói chuyện ở Đại học Sorbonne, Paris về ”Đề tài tình yêu trong sáng tác của tôi”, bài thơ tình mà tôi dẫn đầu tiên là bài: “Yêu là chết trong lòng một ít” vì trong bài thơ ấy tôi đã vay mượn của ba thi sĩ Pháp... Nhà thơ Edmont Haraucourt có bài thơ ngắn rất nổi tiếng: “Partir, c'est mourir un peu” = “Đi là chết ở trong lòng một ít”; đúng quá, những đôi lứa muôn đời đứt gan, đứt ruột phải biệt xa nhau; khoảng 1934 - 1935, tôi đang yêu, bèn vận vào mình và chuyển sang:

“Yêu là chết ở trong lòng một ít
 Vì mấy khi yêu mà chả được người yêu
 Cho rất nhiều, nhưng nhận chẳng
 bao nhiêu”

Câu thứ ba, tôi lấy đáng dấp một câu trong bài thơ tình duy nhất không tiền khoáng hậu của Félix Arvers (1806-1850), tất cả sự nghiệp sáng tác của ông đã vào trong lãng quên, duy có bài thơ thất tình, thơ tình tuyệt vọng của ông “Mon âme a son secret” = “Lòng ta chôn chặt mối tình” là còn sống mãi hơn 150 năm nay đến nỗi tự vị Larousse cũng phải nhắc đến; trong đó có câu: “N'osant rien demandé, et n'ayant rien reçu” = “Chẳng dám xin và chưa nhận được gì”, tôi chuyển câu này thành: “Cho rất nhiều nhưng

nhận chẳng bao nhiêu” và bao trùm là tôi đã làm theo điệu thơ Rondeau “Rôngđô) của nhà thơ Charles d'Orléans, thế kỷ XV, vịnh mùa xuân, lấy câu thứ nhất, thứ hai làm câu thứ bảy, thứ tám:

Dịch:

*“Thời tiết đã bỏ chiếc áo ngoài
Bằng gió, bằng mưa, bằng giá rét
Và khoác mặc lên mình gấm vóc
Khoác áo mặt trời xinh, sáng tươi*

Không một loài vật hay loài chim
Mà chẳng khê khà kêu hoặc hát
*Thời tiết đã bỏ chiếc áo ngoài
Bằng gió, bằng mưa, bằng giá rét”.*

Tôi cũng lấy theo điệu rôngđô như Charles d'Orléans:

*“Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chả được yêu
Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu
Người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết*

Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt
Tưởng trắng tàn hoa tạ với hồn tiêu
*Vì mấy khi yêu mà chả được yêu
Yêu là chết ở trong lòng một ít...*

Và ở đoạn cuối thứ ba, câu cuối cùng lấy lại câu thứ nhất. Và có thể nói một cách chân thật: Charles d'Orléans khi lấy lại, đã tạo ra một nhạc điệu rất hay, tuy nhiên không đặc thế bằng tôi khi lấy lại các câu, vì mùa xuân đang lẫn quẩn, còn tình yêu thì không được chia sẻ, thì người đang yêu như con tằm rút ruột

tự giam thân vương vít ở trong cái kén đau khổ bịt bùng..."⁽¹⁾

Tiếp nhận tinh hoa của văn chương từ nhiều nguồn nhưng Xuân Diệu đã tạo nên cái mới mang màu sắc riêng, dù mới mẻ và xa lạ nhưng trước sau câu thơ Xuân Diệu vẫn được đón nhận như một đặc sản không thể trộn lẫn.

Nói đến Xuân Diệu, người ta thường nhắc tới mảng thơ gây ấn tượng nhất trong lòng bạn đọc từ hơn nửa thế kỷ nay. Đó là thơ tình Xuân Diệu. Là một trong những tình cảm lớn của con người, tình yêu chiếm một vị trí đặc biệt trong toàn bộ sáng tác của ông. Và ông cũng là người đầu tiên mang đến những quan niệm hiện đại sâu sắc về tình yêu. Sự nhạy cảm và sôi nổi hòa cùng tấm lòng trung thực, chân tình hết mực đã giúp nhà thơ tạo nên nguồn giao cảm mạnh mẽ với đời, với công chúng của mình. Thơ tình Xuân Diệu ôm chứa cả cuộc sống rộng lớn, qua tình yêu lứa đôi thấy cả tình đời, thấy cả niềm khát sống. Và Huy Cận đã có lý khi nhận định: "Thơ tình của Xuân Diệu, suy cho cùng, ngầm cho kỹ là bài ca sự sống".

Điều đó cũng giải thích niềm náo nức say đắm sau này khi nhà thơ có điều kiện hòa mình vào cuộc sống mới, tiếp thêm sức mạnh để thơ ca phản ánh những cảm xúc xa rộng và thắm thiết hơn về đất nước và con người. "Sự sống không bao giờ chán nản", "Tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi"... là những nguồn cảm xúc lớn, là sự nhập cuộc hết mình của

(1) Dẫn theo Lữ Huy Nguyên trong "Xuân Diệu - Thơ và đời".

Xuân Diệu cho tới phút cuối cùng phải chia tay với cuộc đời.

Có thể coi Xuân Diệu là một trong những người đã dốc hết tâm lực cho cuộc sống, cho văn chương. “Tay hay làm lụng, mắt hay kiếm tìm”, ông lao tâm, khổ tứ trong sáng tạo vì yêu đời, yêu người, muốn vãi tạc kiệt trái cam đời mình để dâng hiến, để đền đáp.

Xuân Diệu sống không có tuổi già:

“Già sao cho được mà già

Nỗi yêu muôn thuở ai mà nói cho!”

Sống bằng tình yêu của chính mình và bằng cả tình yêu của muôn nghìn lứa đôi. Sự hóa thân tự nhiên, chân thành và sâu sắc ấy làm trái tim ông không người hồi hộp. “Cho đến mãi muôn đời/ Đến tan cả đất trời / Anh mới thôi dào dạt” (Biển)

“Một cây kim bé nhỏ” trước sức hút của “vạn vật là muôn đá nam châm”, một trái tim mang nghìn trái tim ấy... đã hồ hởi thu nhận, vật vãi chia sẻ.

Là “một cái túi tràn trề”, trái tim quá tải không mệt mỏi vì luôn được tiếp máu từ mạch đời tươi khỏe.

“Tim tôi chứa mà hồn tôi thì vãi”, đúng vậy, Xuân Diệu là người cần kiệm, cần cơ nên cái túi thơ tràn đầy ấy còn gieo vãi, thâm canh không chỉ bó hẹp trong cánh đồng thơ.

Cái vốn phong phú của con người đa tài và uyên bác ấy đã đầu tư sang nhiều địa hạt. Ngay từ thuở trai trẻ, ông đã có những tập văn xuôi nổi tiếng, làm xôn xao văn đàn khi vừa xuất hiện.

“Phấn thông vàng” và “Trường ca” ra đời song song với hai tập thơ xuất sắc “Thơ thơ” và “Gửi hương cho gió” - Đó là những bài thơ văn xuôi, thấm đượm chất trữ tình từng dòng, từng trang. “Phấn thông vàng” xa

xót trước những cảnh đời cơ cực: bà cụ ăn mày, lũ trẻ mồ côi lang thang bị đời hắt hủi, những “chó hoang, mèo hoang”, cả những kiếp sống tẻ nhạt, vô vọng...

Đó là sự tiếp nối mạch thơ nhưng diễn tả cụ thể hơn sự đau đớn, khốn khổ, rách rưới, cô đơn của cõi đời.

Đặc biệt từ sau Tháng Tám - 1945, mạch văn Xuân Diệu có điều kiện chan hòa và bắt kịp nhịp sống sôi nổi - Xuân Diệu không dùng từ “lột xác” nhưng chính ông đã nói to lên một điều tâm huyết: “Tôi tìm thấy một hạnh phúc giàu có hơn, trọn vẹn hơn, sáng tạo hơn trong khi ở với cha tôi là Nhân dân và mẹ tôi là Tổ quốc”.

Tất cả sự giàu có ấy từ thơ tràn sang văn xuôi. Và lần lượt, những trang văn xuôi ngôn ngữ sống, tươi rói cảm xúc, bề bộn sự việc đã giúp Xuân Diệu giải tỏa những gì chất chứa sâu nặng trong ông.

Những bài bút ký đầy chất thơ, những trang ký sự chan chứa tình người như “Tin vui”, “Những thành phố nữa”, “Đi trên đường lớn” v.v... đã giúp cho các tác phẩm văn xuôi “Triều lên”, “Dao có mài mới sắc”, “Và cây đời mãi mãi xanh tươi”... được độc giả đánh giá cao vì chất sống và nguồn xúc cảm.

Là một con người hết sức nhạy cảm lại luôn luôn kiếm tìm để học hỏi, thu hút cho được tinh hoa của cha ông, của văn chương phương Đông, phương Tây, Xuân Diệu đã tiếp nhận được cái hay, vẻ đẹp lẫn sự sâu sắc, uyên thâm của văn học cổ, cận đại - Ông sung sướng tận hưởng hương vị đậm đà, tinh khiết đồng thời cũng muốn chia sẻ nguồn hạnh phúc lớn lao ấy với mọi người, đặc biệt là với lớp đàn em mà ông luôn nâng niu, kỳ vọng và nghiêm khắc đòi hỏi.

Cuốn sách “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam” của ông đã được tái bản nhiều lần - Người đọc ở mọi thế hệ đều bị cuốn hút vì cách viết giàu hình tượng, cảm xúc qua cảm thụ tinh tế, sắc sảo của nhà thơ. Chính vì giàu kinh nghiệm sáng tạo văn học, vì có rung động chân thực trước các áng văn cổ nên Xuân Diệu đã có công phát hiện, bình giảng nhiều nét sâu sắc, tinh tế trong những áng văn của người xưa - Lý luận và cảm xúc hòa trộn nhuần nhuyễn, cách diễn đạt giàu hình tượng nên những tiểu luận, khảo luận, nghiên cứu của Xuân Diệu bao giờ cũng tươi mới, duyên dáng và có sức cuốn hút của một áng văn hay.

Từ tâm trạng đau đớn của Nguyễn Trãi, niềm thương cảm trước số phận nàng Kiều, nỗi uất hận của Hồ Xuân Hương đến nụ cười chua chát, cay đắng của Tú Xương... tất cả đều được chia sẻ, giải bày và lý giải cặn kẽ để bạn đọc thời nay nhận ra giá trị cao quý trong văn chương của cha ông - Xuân Diệu đã có công làm mới lại, làm sáng hơn những viên ngọc đã phủ bụi thời gian, cũng chính ông đã truyền niềm tự hào về truyền thống văn hiến cho lớp trẻ, trực tiếp dìu dắt họ nối tiếp văn mạch của bao thế hệ tiền bối.

*

* *

Gia tài đồ sộ của nhà thơ lớn Xuân Diệu, sau mười lăm năm kể từ ngày ông đi xa, giờ đây lần đầu được tập hợp để giới thiệu với bạn đọc rộng rãi của đất nước ta.

Hôm nay, “cảo thơm lần giở...” chúng ta có điều kiện trở lại ngọn nguồn một dòng sông lớn, cảm nhận trực tiếp từng đợt sóng cảm xúc và lớp lớp phù sa bồi

đáp vô tận, thêm sung sức để cùng đi tới những bờ
bên mới.

Tháng 9-2000

N.B.

1**THƠ THƠ**

(In lại theo đúng bản in lần đầu, 1938)

TỰA

THẾ LỮ

Nhà thi sĩ ấy là một chàng trai trẻ hiền hậu và say mê, tóc như mây vướng trên đài trán thơ ngây, mắt như bao luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái. Chàng đi trên đường thơ, hái những bông hoa gập dưới bước chân, những hương sắc nảy ra bởi ánh sáng của lòng chàng. Thơ Thơ là cụm đầu mùa chàng tặng cho nhân gian. Và từ đây, chúng ta đã có Xuân Diệu.

Loài người hãy hiểu con người ấy!

Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian: ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi đời, và lời nguyện ước của ông có bao nhiêu sức mạnh:

Ta ôm bó, cánh tay ta làm rã'n,
Làm giầy da quần quít cả mình xuân,
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần,
Chân hóa rễ để hút mùa dưới đất.

Là một người sinh ra để mà sống, Xuân Diệu rất sợ chết, sợ im lặng và bóng tối, hai hình ảnh của hư vô. Mục đích của đời người có phải là hạnh phúc đâu! Mục đích, chính là sự sống. Mà còn gì làm cho sự sống đầy đủ hơn Xuân và Tình?

Cho nên Xuân Diệu say đắm với tình yêu và hằng hái với mùa xuân, thả mình bơi trong ánh nắng, rung động với bướm chim, chát đầy trong bầu tìm mây trời thanh sắc. Ông hăm hở đi tìm những nơi sự sống dồi dào tụ lại. Khi ông khao khát vô biên, tuyệt đích, chẳng phải ông muốn lên tới đỉnh cao nhất của sự sống đó sao? Ham yêu, biết yêu, Xuân Diệu muốn tận hưởng tình yêu, vì ông thấy chỉ tình yêu mới gồm được bao nhiêu ý nghĩa.

Nhưng Xuân không dài dặc, Tình có bền đâu! Xuân với Tình cũng vô định như sự thực không bền, và lại còn mong manh hơn cuộc đời chảy trôi. Bởi thế, Xuân Diệu vội vàng, bao giờ cũng lo âu thẩn mẩn. Luôn luôn tận tâm, siêng năng mà sống, ông mau mau đem hết cả tâm hồn mà tặng cho đời, và ông cũng đòi hết cả tâm hồn của người yêu dấu, trời đất, của mọi sự vật trên trần gian.

Ta thấy cả nỗi cuồng quýt sáng sủa của thi nhân giơ tay với lấy giây phút qua, bám lấy bầu xuân hồng, và rên rỉ thở than với người yêu dấu. Người tình nhân ấy có những câu nảo ruột thấm thía, khiến nụ cười ta rung ở miệng cùng nước mắt ứa dưới hàng mi ...

Sở dĩ Xuân Diệu tham lam tình yêu, chát chứa vào lòng, không chán, không đủ, không nguôi, là bởi thi sĩ rất sợ cô độc. Ông muốn biến ra nhiều thân, hóa thành muôn, ức, triệu, vì ông thấy người ta đều chỉ

trơ một mình. Ông tìm gần gũi vì ông quá riêng tây, ông thấy nổi mênh mông của tâm hồn nên ông muốn thành một cây kim để hút vào thiên hạ.

Thơ Xuân Diệu do đấy mà buồn tịch mịch ngay trong những điều ấm nóng reo vui. Lạnh lùng ám khắp mọi nơi, “Xa vắng gồm tự muôn đời”, ở đâu cũng là nơi nhớ nhung, thương tiếc. Lòng thi sĩ thấy rõ những điều trái ngược: nồng nàn bởi vì thê lương, khăng khít nhưng vẫn hững hờ, bao nhiêu éo le của cảnh đời mà Xuân Diệu yêu tới đau khổ. Thơ Xuân Diệu là hơi thở thâm kín, giấu diếm, trong đó ẩn sự huyền bí ghê rợn của một đêm trăng, sự náo nùng bao la của một buổi chiều, và tất cả tâm hồn khó hiểu của người, của cảnh.

Rồi càng khó hiểu, người thi sĩ càng cố tìm. Ông dò xét cái “thế giới bên trong”, lượm lặt từng sợi tơ mềm yếu, từng mảnh nhớ nhung, từng vụn sâu tui. Ông nghiệm thấy rằng:

Phải can đảm mới bền gan yếu đuối,
Phải khôn ngoan mới dư trí đại khờ,

nên chịu mất một ít kiêu căng để được thêm rất nhiều sự sống. Và ông đã du ngoạn trong xứ tình yêu mến, nói cho ta hay những đường lối ẩn khúc quanh co.

Ông còn nghe thấu sự mơ hồ, như đã thạo dò la những điều tinh tế. Con người phức tạp cũng đơn sơ, con người thiết thực cũng mơ mộng: ông có một trái tim, nhưng ông còn có một linh hồn. Ông tỏ ra đã từng vào trong thế giới của mọi sự u huyền: hương trầm, âm nhạc, thời khắc, khói sương... tất cả đều nói cho ông nghe những lời chi ly và những giây liên lạc.

Với những câu thơ nhiều ý, súc tích như đọng lại bao nhiêu tinh hoa, Xuân Diệu lại là một tay thợ biết làm ta ngạc nhiên vì nghệ thuật dẻo dăng và cần mẫn.

Nhưng ở trên nhà nghệ thuật, ở trên nhà thi sĩ, ta thấy lòng mến yêu một linh hồn mở rộng, một tấm lòng chào đón, một con người ân ái đa tình. Người ấy chắc không cần phải quá đợi chờ, van xin, vì lẽ nào cõi đời còn mãi lạnh lùng vô tri, khi đã nghe tiếng đàn si mê của Xuân Diệu?

CẢM XÚC

Tặng Thế Lữ

Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió
Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây.
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.

Đây là quán tha hồ muôn khách đến;
Đây là bình thu hợp trí muôn phương;
Đây là vườn chim nhả hạt mười phương,
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc...

Đôi giếng mắt đã chứa trời vạn hộc;
Đôi bờ tai nào ngăn cản thanh âm:
Của vu vơ nghe mãi tiếng kêu thầm...
Của xanh thắm thấy luôn màu nói sẽ...

Tay áp ngực dò xem triều máu lệ,
Nghìn trái tim mang trong một trái tim
Để hiểu vào giọng suối với lời chim
Tiếng mưa khóc, lời reo tia nắng động.

Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng;
Đi trong sân mà nhớ chuyện trên giời;
Trút thời gian trong một phút chơi vơi;⁽¹⁾
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ...

- Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ
Mà vạn vật là muôn đá nam châm;
Nếu hương đêm say giấy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ lả?

(1) Tác giả sửa thành: *Trút ngàn năm trong một phút chơi vơi*
(Tuyển tập, t.I, NXB Văn học - 1983).

NỤ CƯỜI XUÂN

Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui,
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời.
Sao buổi đầu xuân êm ái thế!
Cánh hồng kết những nụ cười tươi.

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,
Cây vàng rung nắng, lá xôn xao;
Gió thơm phơi phất bay vô ý
Đem đựng cành mai sát nhánh đào.

Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều
Bên màu hoa mới thắm như kêu;
Nỗi gì âu yếm qua không khí,
Như thoảng đưa mùi hương mẩn yêu...

Này lượt đầu tiên thiếu nữ nghe
Nhạc thầm lên tiếng hát say mê;
Mùa xuân chín ửng trên đôi má
Xui khiến lòng ai thấy nặng nề...

Thiếu nữ băng khuâng đợi một người
Chưa từng hẹn đến - giữa xuân tươi
Cùng chàng trai trẻ xa xôi ấy
Thiếu nữ làm duyên, đứng mỉm cười.

“VÌ SAO”

Tặng Đoàn Phú Tứ

Bữa trước giêng hai dưới nắng đào,
Nhìn tôi cô muốn hỏi “vì sao?”
Khi tôi đến kiếm trên môi đẹp
Một thoáng cười yêu thỏa khát khao.

- Vì sao giáp mặt buổi đầu tiên,
Tôi đã đầy thân giữa xứ phiên,
Không thể vô tình qua trước cửa,
Biết rằng gặp gỡ đã vô duyên?-

Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bản cầm ca! Tôi chỉ thương,
Chỉ lặng chuỗi theo giòng cảm xúc
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu!
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu...

Cô hãy là nơi mây khóm dờ
Dầm chân trong nước, đứng say sưa,
Để tôi là kẻ qua sa mạc
Tạm lánh hè gay; - thế cũng vừa.

Rồi một ngày mai, tôi sẽ đi.
Vì sao, ai nữ hỏi làm chi!
Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá
Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì.

NGUYỄN ĐÁN

Xuân của đất trời nay mới đến;
Trong tôi, xuân đến đã lâu rồi:
Từ lúc yêu nhau, hoa nở mãi
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.

TRĂNG

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ...
Im lìm, không dám nói năng chi.

Bâng khuâng chân tiếc dậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỡ nhịp trăng đang

Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa cành;
Cho gió đượm buồn, thôi náo động
Linh hồn yếu điệu của đêm thanh.

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá!
Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ.

HUYỀN DIỆU

Les parfums, les couleurs et les sons se répondent.

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn;
Như hương thấm tận qua xương tủy.
Âm điệu, thần tiên, thấm tận hồn.

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du Dương
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiện hiện hoa và phảng phất hương...

Hãy nghe lẫn lộn ghé bên tai
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người;
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
Ngọt ngào kêu gọi thuở xa khơi...

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài, như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.

GẶP GỖ

Tặng Phạm Văn Hạnh

Lòng cũng quay theo trục bánh xe⁽¹⁾
Chở người yếu điệu áo sầu che
Hôm nay, chắc ngựa dừng sau trúc,
Bên nọ chân trời chuyển gió se.

Tôi dạo tìm thơ, gặp biệt ly:
Người đi, tôi tưởng bỏ tôi đi.
Sau bờ non thẳm, là chi nữa?
- Không biết vu vơ có nghĩa gì.

Có lẽ người-hoa nay đã tươi,
Nghe chiều âu yếm lẫn vô người,
Tình cờ ngoảnh gặp phương tôi đứng,
Mắt vắng đâu xa, miệng gửi cười.

(1) Sau này tác giả sửa thành: *Lòng cũng quay vờ theo bánh xe*
(Tuyển tập, t.I, NXB Văn học - 1983).

YÊU

Yêu, là chết ở trong lòng một ít.
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu?
Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu:
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.

Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt,
Tưởng trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!
- Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt,
Những người si theo dõi dấu chân yêu;
Và cảnh đời là sa mạc vô liêu.
Và tình ái là sợi giây vắn vít.
Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

XA CÁCH

Tặng Đỗ Đức Thu

Có một bạn em ngồi xa anh quá,
Anh bảo em ngồi xích lại gần hơn.
Em xích gần thêm một chút: anh hờn.
Em ngoan ngoãn xích gần thêm chút nữa.
Anh sắp giận. Em mỉm cười, vội vã
Đến kề anh, và mơn trớn: “em đây!”.
Anh vui liền; nhưng bỗng lại buồn ngay.
Vì anh nghĩ: thế vẫn còn xa lắm.

Đôi mắt của người yêu, ôi vực thẳm!
Ôi trời xa, vừng trán của người yêu!
Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều
Mà ta riết giữa đôi tay thất vọng.
Dầu tin tưởng: chung một đời, một mộng.
Em là em: anh vẫn cứ là anh.
Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.

Thương nhớ cũ trôi theo ngày tháng mất,
Quá khứ anh, anh không nhắc cùng em
Linh hồn ta u ẩn tựa ban đêm⁽¹⁾
Ta chưa thấu nữa là ai thấu rõ.
Kiếm mãi, nghi hoài, hay ghen bóng gió,
Anh muốn vào dò xét giấc em mơ.
Nhưng anh giấu em những mộng không ngờ,
Cũng như em giấu những điều quá thực...

Hãy sát đôi đầu! Hãy kẻ đôi ngực!
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!
Những cánh tay! hãy quấn riết đôi vai!
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng;
Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng:
“Gần thêm nữa! thế vẫn còn xa lắm!”.

(1) Sau này tác giả sửa thành: *Linh hồn ta còn u ẩn hơn đêm*
(Tuyển tập, t.I, NXB Văn Học - 1983).

PHẢI NÓI

“Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ?
”Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.
“Anh biết rồi, em đã nói em yêu;
”Sao vẫn muốn chắc một lời đã cũ?”.

- Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ.
Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng;
Không tỏ hay, yêu mến cũng là không,
Và sắc đẹp chỉ làm bằng cảm thạch.
Anh thèm muốn vô biên và tuyệt đích,
Em biết không? Anh tìm kiếm em hoài.
Sự thật ngày nay không thật đến ngày mai,
Thì ân ái có bao giờ lại cũ?

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,
Phải nói yêu, trăm bận đến ngàn lần;
Phải mặn nồng cho mãi mãi đem xuân,
Đem chim bướm thả trong vườn tình ái.
Em phải nói, phải nói, và phải nói:
Bằng lời riêng nơi cuối mắt, đầu mây,
Bằng nét vui, bằng vẻ thẹn, chiều say,
Bằng đầu ngả, bằng miệng cười, tay riết,
Bằng im lặng, bằng chi anh có biết!
Cốt nhất là em nhớ lạnh như đông,
Chớ thản nhiên bên một kẻ cháy lòng,
Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ.

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ.

TÌNH TRAI

Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen.

Những bước song song xéo dặm trường
Đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
Nghe hát ân tình giữa gió sương,

Kể chi chuyện trước với ngày sau;
Quên ngó môi son với áo màu;
Thây kệ thiên đường và địa ngục!
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.

NHỊ HỒ

Tặng Thạch Lam

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ,
Gió nhịp theo đêm, không vội vàng;
Khí trời quanh tôi làm bằng tơ.
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ.

Cây cỏ bình yên; khuya tĩnh mịch.
Bỗng đâu lên khúc *Lạc âm thiều*
Nhị hồ để bốc niềm cô tịch,
Không khóc, nhưng mà buồn hiu hiu...

Điệu ngả sang bài *Mạnh Lệ Quân*,
Thu gồm xa vắng tự muôn đời,
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Tiếng đàn thâm diệu dẫn tôi đi,
Qua những sân cung rộng hải hồ.
Có phải A Phòng hay Cô Tô?
- Lá liễu dài như một nét mi.

... Và nàng Lộng Ngọc lấy Tiêu Lang,
Cưỡi hạc một đêm bay lên trời.
Vua Trần Hậu Chúa ngó trăng vàng,
Khúc Hậu Đình Hoa đương lên khơi.

Linh hồn lưu giữa bể du dương...
Tôi thấy xiêm nghê nổi gió lửa:
Những nàng cung nữ ước mơ vua,
Không biết bao giờ nguôi nhớ thương.

Tôi yêu Bao Tự mặt sầu bi
Tôi mê Ly Cơ hình nhịp nhàn.
Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng
Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi.

ĐI THUYỀN

Tặng Khái Hưng

Thuyền qua, mà nước cũng trôi,
Lại thêm mây bạc trên trời cũng bay;
Tôi đi trên chiếc thuyền này,
Giòng mơ tơ tưởng cũng thay khác rồi.
Cái bay không đợi cái trôi;
Từ tôi phút trước, sang tôi phút này...

THỜI GIAN

Dưới thuyền nước trôi;
Trên nước thuyền xuôi.
Và nước, và thuyền
Xuôi giòng đi xuôi.

Nước không vội vàng
Cũng không trễ tràng.
Thuyền không chậm chạp
Nhưng không nhẹ nhàng.

Nước trôi, vô tri.
Vô tình, thuyền đi.
Nước không biết thuyền;
Thuyền biết nước chi?

Cứ thế luôn ngày,
Trôi mà như bay,
Nước, thuyền đi mãi,
Luôn trong đêm dày.

Trăng thu gió hè,
Đổi bờ thay đê,
Nước, thuyền xuống biển:
Thuyền không trở về...

Nước cũng mất luôn...
- Nhưng nước còn nguồn:
Thuyền chìm, trong lúc
Đêm ngày nước tuôn...

ĐÂY MÙA THU TỐI

Tặng Nhất Linh

Dặng liễu điều hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng:
Đây mùa thu tới - mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngân nga...
Non xa khởi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...

Mây vẫn từng không, chim bay đi.
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Ý THU

Tặng Nguyễn Lương Ngọc

Những chút hồn buồn trong lá rụng
Bị nhàu ai tưởng dưới trâm chân.
Bông hoa rút cánh, rơi không tiếng;
Chẳng hái mà hoa cũng hết dần.

Dưới gốc, nào đâu thấy xác ve,
Thế mà ve đã tắt theo hè.
Chắc rằng gió cũng đau thương chứ;
Gió vờ ngoài kia, thu có nghe?⁽¹⁾

(1) Nay tác giả sửa thành: *Gió vờ ngoài kia, ai có nghe* (Tuyển tập, t.I, NXB Văn học - 1983).

Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi;
Với bóng hình xưa, tấm tiếng cũ,
Cách xa chôn hết nhớ thương rồi.

Yên vui xây dựng bởi nguôi quên.
Muốn bước trong đời, phải dậm trên
Muôn tiếng kêu than thầm lặng lặng.
Nhưng hoa có thể cứ lâu bền,

Ồ nhĩ! Sao hoa lại phải rơi?
Đã xa, sao lại hứa yêu hoài?
Thực là dị quá - Mà tôi nữa!
Sao nghĩ làm chi chuyện nhạt phai?

HẸN HÒ

Anh đã nói, từ khi vừa gặp gỡ:
“Anh rất ngoan, anh không dám mong nhiều.
Em bằng lòng cho anh được phép yêu;
”Anh sung sướng với chút tình vụn ấy”.

Em đáp lại: “Nói gì đau đớn vậy!
Vừa gặp anh, em cũng đã mến rồi.
”Em phải đâu là ngọn nước trôi xuôi;
“Chưa hy vọng, sao anh liền thất vọng?”

Lời nói ấy về sau đem gió sóng
Cho lòng anh đã định chỉ yêu thôi;
Anh tưởng em là cửa của anh rồi,
Em mắc nợ, anh đòi em cho được.

Đấy, ai bảo em làm anh mơ ước!
Lúc đầu tiên, anh có mộng gì đâu!
Tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau,
Em ác quá! lòng anh như tự xé...

CHÀNG SẦU

Trón nỗi buồn vô cớ,
Sao anh chẳng vui đi?
- Tôi ráng tìm hạnh phúc,
Song chẳng biết nhờ chi.

Xa xăm ru mộng tưởng,
Anh có thể phiêu lưu...
Tạo hóa không tình cảm.
Sinh ra, tôi đã nghèo.

Anh hãy là thi nhân
Hát nỗi buồn vô cớ:
- Tôi không biết làm thơ
Thơ không làm bớt khổ.

Nghĩ ngợi đến tình nương!
Anh sung sướng hơn nhiều...
Nghèo nàn và nhút nhát,
Tôi chưa từng được yêu.

LẠC QUAN

Vườn cười bằng bướm, hót bằng chim;
Dưới nhánh, không còn một chút đêm:
Những tiếng tung hô bằng ánh sáng
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.

Gió qua, như một khách thừa lương,
Lay nắng trên mình lá loáng sương.
Hoa cúc dường như thôi ẩn dật,
Hoa hồng có vẻ bận soi gương.

Vàng tươi, thướt dượt cánh hơi xòa;
Ứng rạng, phù dung nghiêng mặt hoa;
Nhánh vút làm cho lan chớm ngợp;⁽¹⁾
Lòng trinh giữ lại nửa bông trà.

Hình eo, dáng lả, sắc xinh xinh
Phơi phới cùng nhau thở thái bình
Của nỗi yêu trùm không giới hạn
Dịu dàng tỏa xuống tự trời xanh.

Hạnh phúc vờn trong buổi sớm mai,
Vừa tầm với bắt của tay người;
Ái tình đem máu lên hoa diện;
- Thi sĩ đi đâu cũng thấy cười.

(1) Sau này tác giả sửa thành: *Nhánh vút làm cho bông huệ ngợp*
(Tuyển tập, t.I, NXB Văn học - 1983).

BÀI THƠ TUỔI NHỎ

Giơ tay muốn ôm cả trái đất,
Ghì trước trái tim, ghì trước ngực,
Cho đầy trước mặt khoảng cô đơn
Bao la muôn trời, sâu vạn vực.

Làm sao sống được mà không yêu,
Không nhớ, không thương, một kẻ nào?
Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa!
Cho bùng tia mắt độ tia sao!

Qui Nhơn 1933

MÙA THI

Thơ ta hơ hớ chưa chồng,
Ta yêu, muốn cưới, mà không thì giờ:
Mùa thi sắp tới! - em thơ,
Cái hôn âu yếm xin chờ năm sau!

Avril 1934

VÔ BIÊN

Như kẻ hành quân quáng nắng thiêu,
Ta cần uống ở suối thương yêu;
Hãy tuôn âu yếm, lừa mơn trớn,
Sóng mắt, lời môi, nhiều - thật nhiều!

Chớ nên tiết kiệm, hỡi nàng tiên
Ta được em chẳng, lại mất liền:
Với bạn ân tình hay với cảnh,
Nơi nào ta cũng kiếm Vô biên.

Những phen reo hót, những cơn say,
Những lúc mây đen ám mặt mây,
Là lúc lời xa muôn thế giới
Đến vờn trong dạ cánh chim bay...

Trời cao trêu nhử chén xanh êm;
Biển vắng không nguôi nỗi khát thèm;
Nên lúc môi ta kề miệng thắm,
Trời ơi, ta muốn uống hồn em!

VỘI VÀNG

Tặng Vũ Đình Liên

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

Của ong bướm này đây tuần trăng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi.
Mỗi buổi sớm, thần vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.

Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,

Nếu đến nữa không phải rằng gặp lại⁽¹⁾
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng, năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông, núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?

Chẳng bao giờ, ôi! chẳng bao giờ nữa...

Mau đi thôi! mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn:
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(1) Từ Thơ Thơ in lần thứ hai trở đi, câu này được sửa là: *Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại.*

CÓ NHỮNG BÀI THƠ

Hãy ngó sâu vào tận mắt anh,
Đọc bài thơ mới chưa làm thành;
Lòng anh rạo rức không duyên cớ
Khi nắng chiều tơ dãn với cảnh.

Nghiêng đầu bên trái, hãy kể nghe
Những ngón tay thần sẽ vuốt ve
Cho điệu lòng anh thêm ấm dịu;
Sờ xem: ngực nóng khúc đê mê.

Tuy thế, bài thơ sẽ dở dang
Vì lời không đủ vẽ huy hoàng:
Vần không phải ngọc rung muôn ánh;
Nhịp thiếu êm đềm, tiếng thiếu vang.

Hãy biết rằng anh đương say thơ,
- Người thì say rượu, kẻ say mơ -
Thế thôi. Anh nói làm sao được?
Anh ngẩng đầu cao đợi gió hờ...

Có những bài thơ rất thắm tươi
Nhưng mà chỉ nở giữa lòng người;
Chớ mong hái được loài hoa ấy!
Tay nhẹ làm hoa cũng rã rời.

TIẾNG KHÔNG LỜI⁽¹⁾

Tặng Nguyễn Đỗ Cung

Mây lưng chừng hàng
Về ngang lưng núi.
Ngàn cây nghiêm trang
Mơ màng theo bụi
Hoa dại trên đồi.

Trăng rằm lên ngôi...

Gió thanh chia mình
Trong cành lá biếc.
In như ái tình
Mơ qua trời thiếc,
Lan giữa làn hương.

Hỡi người rất thương...

Sao em không nghe
Bao lời van vỉ
Của nguyệt đêm hè,
Bao lời ủy mị
Của thời tươi xanh.

Hãy cầm tay anh...

(1) Sau này tác giả sửa nhan đề bài là *Mây lưng chừng hàng ...*

ĐƠN SƠ

Tặng Nguyễn Gia Trí

Em nói trong thư: “Mấy bữa rày,
”Sao mà bướm bướm cứ đùa bay;
”Em buồn, em nhớ, chao! em nhớ!
”Em gọi thầm anh suốt cả ngày.

“Ngoài ấy vui không, anh của em?
”Trong này đã có nắng vàng êm:
”Mỗi lần nắng dọi, em ra cửa,
”Em nghĩ gì đâu, đứng lặng im.

“Mùa xuân khó chịu quá đi thôi!
”Cảnh đẹp làm em thấy lẻ loi,
”Chim hót xui em nghe quạnh quẽ;
”- Hay là anh đã bỏ em rồi?

“Ồ! mới nghiêng mình xem nước trong,
”Vui mừng em thấy má em hồng...”
Em tôi ăn nói vô duyên quá!
Em đốt lòng anh, em biết không?

GIỜ TÀN

Khi mai giậy sớm, trời êm ái,
Cửa sổ thênh thang mở gió hồ:
Hơi mát đưa hòa theo ánh sáng;
Cảnh gần, chim rộn tiếng đùa nô.

Chủ nhật còn nguyên, còn trọn vẹn;
Tôi chưa tiêu mất một giờ nào.
Như đứa trẻ con ôm cái bánh,
E dè tôi muốn giữ cho lâu.

Nhưng ngày cứ thoát đi từng chút;
Rồi mặt trời cao. Nắng cháy tràn.
Trưa đến: thôi rồi bình đã vỡ!
Nửa ngày xinh đẹp đã tiêu tan!

Thong thả, chiều vàng thong thả lại...
Rời đi... Đêm xám tới dần dần...
Cứ thế mà bay cho đến hết
Những ngày, những tháng, những mùa xuân.

Vừa mới khi mai tôi cảm thấy
Trong tay ôm một bó hoa cười.
Ngọn gió thời gian không ngớt thổi:
Giờ tàn như những cánh hoa rơi...

CHIỀU

Tặng Nguyễn Khắc Hiếu

Hôm nay, trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...
Lá hồng rơi lặng ngõ thôn,
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.
Phát phơ hồn của bông hường,
Trong hơi phiêu bạc còn vương máu hồng.
Nghe chừng gió nhớ qua sông,
E bên lau lách thuyền không vắng bờ.
- Không gian như có giây tơ,
Bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu.
Êm đềm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn...

VIỄN KHÁCH

Tặng Nguyễn Nhược Pháp

Đương lúc hoàng hôn xuống,
Là giờ viễn khách đi.
Nước đượm màu ly biệt,
Trời vương hương biệt ly.

Mây lạc hình xa xôi;
Gió than niềm trách móc.
Mây ôi và gió ôi!
Chớ nên làm họ khóc.

Mắt ghen nhìn thấu dạ;
Môi khô hết nín lời...
Chân dỗi, tay muộn rã...
Kẻ khuất... kẻ trông vời...

Hôm nào như hôm qua
Má kẻ trên gòis sánh?
Anh đi, đường có hoa...
Tôi nằm trong tuổi lạnh.

Buổi chiều ra cửa sổ;
Bóng chụp cả trời tôi!
- Ôm mặt khóc rừng rúc;
Ra đi là hết rồi.

BIỆT LY ÊM ÁI

Tặng Nguyễn Xuân Khoát

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trắng sương,
Sương bám hồn, gió cắn mặt buồn rầu.

Giờ ly biệt cứ đến gần từng phút.
Chúng tôi thấy đã xa nhau một chút...

Người lặng im, và tôi nói bằng quơ,
Chúng tôi ngồi ở giữa một bài thơ,

Một bài thơ mệnh mông như vũ trụ,
Đầy khói hương xưa, tràn ân ái cũ.

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trắng sương,
Tay trong tay, đầu dựa sát bên đầu.

Tình yêu bảo: “thôi các người đừng khóc,
Các người sẽ đoàn viên trong mộng ngọc”.

Cứ nhìn nhau rồi lại vẫn nhìn nhau.
Hạnh phúc ngừng giữa đôi trái tim đau.

TUƠNG TƯ CHIỀU

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm;
Anh nhớ em, em ơi! anh nhớ em.
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm.
Mà ánh sáng đều hòa cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rới;
Vài miếng đêm, u uất, lẫn trong cành;
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

Thôi hết rồi! còn chi nữa đâu em!
Thôi hết rồi, gió gác với trăng thềm,

Với sương lá rụng trên đầu gần gũi.
Thôi đã hết hờn ghen và giận tủi.
(Được giận hờn nhau! sung sướng bao nhiêu!)
Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
Anh nhớ em, anh nhớ lắm! em ơi!
Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời,
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đắm đắm.
Em! Xích lại! và đưa tay anh nắm!

VỚI BÀN TAY ẤY...

Tặng Huy Cận

Với bàn tay ấy ở trong tay,
Tôi đã nguôi quên hận tháng ngày,
Một tối trăng cao gieo mộng tưởng
Vào lòng gió nhẹ thả hồn bay.

- Một tối bầu trời đắm sắc mây,
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy,
Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu, một tối đầy

Những lời huyền bí tỏa lên trăng,
Những ý bao la rủ xuống trần,
Những tiếng ân tình hoa bảo gió,
Gió đào thả thả bảo hoa xuân.

Bóng chiều đi vụt; bóng đêm nay
Tôi lại đã mang hận tháng ngày.
Dưới ánh trăng cười, tôi kiếm mãi
Dấu bàn tay ấy ở trên tay.

GIỚI THIỆU

Tặng Tú Mỡ

Xin đừng tìm biết rõ chàng ta,
- Nhân loại xem gần vẫn xấu xa.
Có đến mà yêu thì hãy đến
Xem đầu mây gợn, mắt mây qua...

Giữa người, anh ráng dấu tên đi;
Thi sĩ, thưa cô, có quý gì!
Huống nữa người ta đều tự ái;
Bao giờ quen thuộc cũng khinh khi.

Hãy biết rằng anh lúc ở trường
Rất tòi toán pháp, khá văn chương,
Chàng trai đi học nghe chim giảng,
Không thuộc bài đâu; ấy sự thường.

Hết nợ thi rồi, đến nợ thi,
Than ôi khổ quá! học làm gì
Những chồng sách nặng khô như đá!
Ruộng gió đồng trăng anh ấy đi...

Nghe nói tình yêu tưởng trái ngon;
Cho lòng, không nghĩ mất hay còn.
Tay trầy gai góc, chân đau sỏi,
Anh bám, không thôi bám tuổi dòn.

Gặp kẻ nào đâu anh cũng mê,
Chân theo xa với, trí theo kẻ.
Si tình lắm đấy, - nhưng đôi lúc
Có gửi tình đi, chẳng có về.

Quá thực thà nên hóa dại khờ,
Bắt đầu người-chỉ-biết-yêu lo
Nỗi đời cay cực đang dơ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.

Nhưng thoát sao ra lối hổ hùm
Nuốt đời bao kẻ hái văn thơm!
- Lần này lại sắp đi thi nữa:
Chắc hồng mười phân; khẩn nguyện giùm!

BÊN ẤY BÊN NÀY

Lòng ta trống lăm, lòng ta sụp
Như túp nhà không bốn vách xiêu;
Em chẳng cứu giùm, em bỏ mặc
Mưa đưa ta đến bến Đìu hiu.

Em ở bên mình; ta ngó say,
Song le bên ấy với bên này
Cũng xa như những bờ xa cách,
Không có thuyền qua, không cánh bay.

Ta thấy em xinh, khê lắc đầu.
Bởi vì ta có được em đâu!
Tay kia sẽ áp nhiều tay khác,
Môi ấy vì ai sẽ đượm màu.

Họ sẽ ôm em với cánh tay;
Và em yêu họ đến muôn ngày;
Thôi rồi! em chẳng thờ ơ nữa
Như đôi cùng ta tự bấy nay;

Như đôi cùng ta giữa cảnh mưa
Mà lòng không hiểu trán bơ vơ,
Không tặng âu yếm trong câu nói,
Trong mắt còn nguyên vẻ hững hờ.

CẶP HÀI VẠN DẶM

Nếu ta có cặp hài tiên,
Ta đi khắp xứ, khắp miền, khắp nơi.
Ta đi, đi tận phương trời,
Đi cùng phương đất, xa vời ta đi.
In như chiếc én lưu ly,
In như chiếc lá hết thì tươi xanh,
Ta theo gió mạnh, gió nhanh
Gió hung dữ, gió sát sanh, gió cuồng!
Đi say và cứ đi sông,
Ta đi mau lại hơn luồng gió mau.
Đi mau! trốn nét! trốn màu!
Trốn hơi, trốn tiếng! trốn nhau! trốn mình.

TIẾNG GIÓ

Có nhiều lúc gió kêu thê thiết quá;
Như gió đau một nỗi khổ vô hình,
Như bao điều ảo não của nhân sinh
Đã in vết ở nơi hồn của gió.
Gió vừa chạy, vừa rên, vừa tắt thở,
Đem trái tim làm uất cả không gian,
Gọi bóng hình những thân thể cơ hàn,
Với môi tím, với cảnh nghèo vạc mặt.

Trong khung xám của mùa đông bằng sắt,
Gió qua rồi còn lưu lại tiếng ngân:
Cây bên đường, trụi lá, đứng tần ngần,
Khắp xương nhánh chuyển một luồng tê tái;
Và giữa vườn im, hoa run sợ hãi
Bao nỗi pha phôi, khô héo, rụng rời.
Và mưa kia là nước mắt gió rơi,
Và sương ấy là mồ hôi gió rớt
Trong lúc vội vàng, trên cành thưa thớt.

Ấy nỗi buồn kêu xé của ngày qua,
Hay lời than rên rỉ của đêm xa;
Ấy là tiếng những âm binh tan tác,
Hay là giọng những vong hồn lưu lạc?
- Hỡi gió mờ! người chứa cả mùa đông
Trong phổi của người u uất vô cùng.

HOA NỞ ĐỂ MÀ TÀN

Hoa nở để mà tàn;
Trăng tròn để mà khuyết;
Bèo hợp để chia tan;
Người gần để ly biệt.
Hoa thu không nắng cũng phai màu;
Trên mặt người kia in nét đau.

MUỘN MÀNG

Anh biết yêu em đã muộn màng,
Nhưng mà ai cưỡng được tình thương!
Ngậm ngùi tặng trái tim lưu lạc
Anh chỉ xin về một chút hương,

Một chút hương phai của ái tình
Mà em không thể gửi cùng anh;
Để lòng ướp với tình phai ấy,
Anh tưởng từ đây bớt một mình.

Mắt ướt trông nhau lệ muốn tuôn,
Gượng cười anh phải khóc thầm luôn:
Em là người của ai ai đấy,
Lưu luyến chi anh để sót buồn.

Dầu chiếm tay em, anh vẫn hay
Rằng anh chỉ nắm cánh chim bay;
Bao giờ có được người yêu dấu!
Chất chứa trong lòng vụn đắng cay.

Anh chỉ là con chim bơ vơ
Lạnh lùng bay giữa gió, sương, mưa;
Qua gần tổ ấm đôi chim bạn,
Bỗng thấy lòng cuồng yêu ngẩn ngơ.

Yêu ngẩn ngơ rồi đau xót xa,
Số anh là khổ, phận anh là
Suốt đời nuốt lệ vào trong ngực,
Đem ái tình dâng kẻ phụ ta.

Chưa đi mà đã cách xa nhau,
Lúc biệt ly rồi, xa đến đâu?
Thôi hãy để anh đi hốt hoảng,
Gấp đem thương nhớ khuất mây mù.

Thôi hãy để anh đi thất thơ,
Mặc luồng gió mạnh, mặc mưa to
Đánh vào thân thể run như sậy.
- Tôi chẳng cần ai thương hại cho.

THỞ THAN

Tôi là một kẻ điên cuồng
Yêu những ái tình ngây dại
Tôi cứ bắt lòng tôi đau đớn mãi,
Đau vô duyên, đau không để làm gì.

Ôi! tình si
Không có một giờ yên ổn!

Nếu bỏ được trái lòng cho gió cuốn,
Đem vứt đi, như là trái chua cay!
Nếu một chiều có thể rải tung bay
Tất cả linh hồn thốn thức!

Nhưng mỗi lần đưa tay lên nén ngực
Lại nghe tình nhiều hơn số ngón tay
Với mi kia, mắt nọ, với môi này,
Với chuỗi tên người liên tiếp...

Yêu với mến! mến và yêu! tiếng điệp
Của khúc ca nào vừa cất, vừa say?
Lòng tôi lạnh lẽo, đêm nay,
Theo một con đường mấy nẻo.

Và đêm nay, lòng tôi lạnh lẽo...
Như sáng trăng trên mặt nước thu lờ.
Tôi là một kẻ bơ vơ
Yêu những ái tình quạnh quẽ.

CHIẾC LÁ

Theo Arnault

Lìa cảnh, thân héo khô,
Hỡi chiếc lá giang hồ,
Đi đâu?
- Tôi chẳng biết.
Xưa ở cảnh cây thông:
Bão đánh, cây gần chết.
Chiều thổi đổi không cùng,
Gió thoảng hay gió mau
Từ hôm ấy, mặc lòng
Đưa tôi rừng tới đồng,
Núi trước tới lưng sau.
Tôi đi nơi gió lồng,
Không than cũng không nao;
Tôi đến nơi bờ đến
Lá hồng cùng lá đào.

SẮT

Ngày muồn hết buồn như đời muồn hết;
Chiều bị thương ráng sức kéo mình đi.
Lũ mây già, nghìn vạn khối lâm ly,
Đứng giữ lưới bủa vây trời nhỏ hẹp.

Vài chiếc quạ, mình than, cong mỏ thép,
Quạ vừa kêu, đến tự xự đêm nào;
Những cây bàng là những bộ xương cao,
Nét ngớ ngẩn đã rèn bằng sắt cũ.

Tét cần lá - lá nằm trên đất ủ,
Màu lặng yên không còn mộng xa bay;
Đất đen kêu như sắt dưới chân giày,
Tiếng rần rởi có pha màu mực đậm.

Chân đi nặng như mang xiềng; giam cầm
Trong cũi to, hồn không thể vượt lên;
Muồn rụng rơi, trái tim nặng ưu phiền,
- Trái tim giữa một cái kèm bằng sắt.

GỬI TRỜI

I

Ta nằm trong vông mắt đong đưa,
Khi ấy ngày thu dọi ánh vừa.
Nhan sắc chớp hàng mi óng ả;
Đầu ta ân ái dịu dàng mưa...

Quá êm ta tưởng ở chùng trời,
Ta choáng không gian, níu tóc người:
Tóc mịn đầy tay như suối mát,
Lòng ta vui rợn thú chơi vơi...

II

Ta gửi trời ta giữa mắt nào
Ở gần má lửa, cạnh mây dao...
Khi ta trở lại, trời đâu vắng.
Lạnh lẽo mây xanh phản má đào.

CA TỤNG

Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn vẻ tròn đầy,
Trăng, hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây;
Trăng, đĩa ngọc giữa mâm trời huyền bí;
Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn vẻ tròn đầy;

Trăng, nguồn sương làm ướt cả Gió hây,
Trăng, vông rệu khiến Đêm mờ chệnh choáng,
Người ám ảnh hương thơm bằng ánh sáng,
Ru màu êm, mà gọi thức lòng ngây;
Trăng, nguồn sương làm ướt cả Gió hây,
Trăng, vông rệu khiến Đêm mờ chệnh choáng!

Trăng thánh thót, họa đàn tơ lấp lánh,
Trăng nghiêng nghiêng, tư tưởng chuyện ưu phiền,
Người làm ma, rồi người làm tiên:
Người tạo lập những đền đài mộng thoáng;
Trăng thánh thót, họa đàn tơ lấp lánh,
Trăng nghiêng nghiêng, tư tưởng chuyện ưu phiền...

Người là trăng, hỡi trăng đẹp bình yên;
Hỡi trăng đẹp, người là trăng náo nức;
Người hay khóc, người không cần sự thực,
Nhớ thương luôn, nên mắt có quầng viền;
Người là trăng, hỡi trăng đẹp bình yên,
Hỡi trăng đẹp, người là trăng náo nức!

Rừng xóa tóc để người thành chiếc lược;
Biển nhân người thành ức triệu vòng khuyên;

Gió căng người trên những cánh buồm thuyền
Người định nhịp cho sóng triều xuôi ngược;
Rừng xóa tóc để người thành chiếc lược,
Biển nhân người thành một triệu vòng khuyên

Trăng của xa xôi, trăng của hão huyền,
Người vĩnh viễn như lòng trăng ý gió;
Trăng của mắt, trăng của hồn rạn vỡ,
(Trăng rất trăng là trăng của tình duyên)
Trăng của xa xôi, trăng của hão huyền,
Người vĩnh viễn như lòng trăng ý gió⁽¹⁾...

(1) Sau này, tác giả sửa câu này thành: *Trăng, vú mộng của muôn đời thi sĩ.*

MƯỜI CHỮ

Mưa dầm - thu dưới nguyệt:
Máng chảy - suối trên nhà.

NÚI XA

Núi tận chân trời đứng nghĩ xa,
Gió đều trang trải nguyệt bao la;
Êm êm núi biếc xinh như ngọc
Và cũng buồn như nỗi nhớ nhà.

Thấy núi yêu kiều, tưởng núi yên,
Tha hồ ta mộng cảnh non tiên,
Tưởng như núi đẹp là tranh vẽ.
Nhưng núi không hề đứng thản nhiên.

Lá úa, cành khô vẫn rụng dần;
Lối mòn, cỏ mạnh vẫn lên chôn.
Chim hôm run rẩy trong tim nhỏ,
Thở sợ dơ tai hứng tiếng ồn.

Có lẽ ông tiều sống giữa cây
Đêm nay hồn lạnh đã theo mây;
Gió rừng có lẽ tuôn muôn gốc,
Có lẽ mưa im xối đã đầy...

- Lăn với đời quay, tôi cứ đi,
Người ngoài không thấu giữa lòng si.
Cũng như xa quá nên ta chỉ
Thấy núi yên như một miếng bìa.

DỐI TRÁ

Tặng Lương Xuân Nhị

Nói chi nữa tiếng buồn ghê gớm ấy
Để lòng tôi sung sướng muốn tiêu tan?
Tất cả tôi run rẩy tựa giây đàn
Nghe thỏ thẻ chính điều tôi giấu kỹ,
Sợ đôi mắt diễm nhiên và diễm lệ.
Vâng, nói chi để khêu lại nguồn sầu
Tôi ngỡ đã cạn hân trong bấy lâu,
Để lại nhóm cho cháy thêm ngọn lửa
Tưởng gần tàn - Yêu? yêu nhau? làm chi nữa!

Tôi vẫn biết rằng tôi chẳng xứng người;
Mùa xuân tôi chưa hề có hoa tươi;
Tôi như chiếc thuyền hư, không bến đỗ;
Tôi là một con chim không tổ.

Lòng cô đơn hơn một đứa mồ côi,
Nhặt nụ cười của thiên hạ, than ôi,
Để tự nhủ: “ta được yêu đấy chứ”.
Tôi chỉ sống để hoài hoài tưởng nhớ,
Mãi mãi yêu, nhưng giấu diếm luôn luôn;
Mà người thì, lơ đãng, dậm trên buồn,
Bạn đi hái những cành vui xanh thắm.

Tôi biết lắm, trời ơi, tôi biết lắm!

Hỡi lòng dạ sâu xa như vực thẳm!
Tôi biết rằng người nói vậy cười chơi
Tiếng đã làm tôi tê tái cả người,
Tim ngừng đập, để thu hồn nghe lắng,
Máu ngừng chạy, để cho lòng bớt nặng,
Tôi biết rằng, chỉ cách một ngày sau,
Cây bên đường sẽ trông thấy tôi sâu,
Đi thất thểu, đi lang thang, đi quạnh quẽ.

Vì vội kiếm tìm nhau, tôi sẽ
Chỉ thấy người thương nhưng chẳng thấy tình
Và như màu theo nắng nhạt, như hương
Theo gió mất, tình người đà tản mát.
Tôi sẽ trốn, thần thờ, ngơ ngác,
Trái tim buồn như một bãi tha ma,
Gượng mỉm cười: “người quên nghĩ rằng ta
Sẽ đau đớn bởi một lời nói vội”.

Vì, khốn nỗi! tôi vẫn còn tin mãi
Sự nhảm kia;- tôi không thể không yêu.
Dẫu không tin, tôi càng cứ yêu nhiều:
Khi người nói, tiếng người êm ái quá...
Có lúc tưởng, chỉ để rơi tàn lửa,
Tay vô tình gieo một đám cháy to;
Người tưởng buông chỉ đôi tiếng hẹn hò,
Tôi hưởng ứng bằng vạn lời say đắm
Đương rạo rức, thì trào, rồi rắm,
Ngập lòng tôi - Mà ai ngó tới đâu!
Tôi điên cuồng, tất nhiên phải khổ đau,
Tôi biết lắm, trời ơi, tôi biết lắm!

Vậy trót lỡ, tôi sẽ đành lẳng lẳng
Chịu mối tình gây lại bởi tay ai,
Không cầu xin, không trách móc, vì - ôi!
Tôi chẳng biết làm cho lòng cứng cõi.
Cứ như thế cho đến giờ đen tối

Hoa ái tình chung phận đóa hồng khô,
Mà trái tim đã ghê dấp hững hờ
Sẽ chung phận của tro tàn bến lạnh.

Tôi giấu sẵn một linh hồn hiu quạnh,
Cho nên, liền chiều đó, tôi hết vui.
Không thấy người bằng không thấy mặt trời,
Tôi ôm ngực thử tìm xem biên giới
Của sâu tử. Nhưng hỡi người yêu hỡi!

Nó mệnh mông, vô ảnh, bủa vây tôi;
Yên ổn đi, thắc mắc đến đây rồi,
Mơ ước tới, mà chán chường cũng lại.
Mà mơn trớn cả một kho ân ái,
Tôi một mình đối diện với tình không
Để lắng nghe tiếng khóc mất trong lòng.

